

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Ngày 30 tháng 05 năm 2013

1	Tên Công ty quản lý quỹ:	Công Ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ ACB
2	Tên Ngân hàng giám sát:	Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
3	Tên Quỹ:	Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng ACB (ACBGF)
4	Ngày lập báo cáo:	Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Đơn vị tính: VND/%

STT	CHỈ TIÊU	KỶ BÁO CÁO	KỶ TRƯỚC
A	Giá trị tài sản ròng		
A.1	Giá trị đầu kỳ		
	<i>của quỹ</i>	283 287 211 406	282 759 822 835
	<i>của một chứng chỉ quỹ</i>	11 800	11 778
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ		
	<i>của quỹ</i>	283 770 574 569	283 287 211 406
	<i>của một chứng chỉ quỹ</i>	11 820	11 800
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ, trong đó	20	22
	<i>Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ</i>	20	22
	<i>Thay đổi do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ</i>	-	-
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)</i>	287 824 445 234	287 824 445 234
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)</i>	271 681 414 202	271 681 414 202
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ		
B.1	Giá trị đầu kỳ	8 800	9 400
B.2	Giá trị cuối kỳ	10 000	8 800
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước	1 200	- 600
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)</i>	- 1 820	- 3 000
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))</i>	-15,40%	-25,42%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)</i>	11 300	11 300
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)</i>	8 200	8 200

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Giám Đốc Nghiệp Vụ, Ngân Hàng Bán Buôn



Madhavi Daluwatte

Ngày 31 tháng 05 năm 2013
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Kế toán trưởng

(Signature)

Phạm Trầm Như Nguyễn



Nguyễn Minh Tuấn